



lái rén
来人

verb phrase / noun · come here (command); visitor

Example Sentences

Lái rén bǎ mén guān shàng

来人，把门关上。

Come here, close the door.

Mén kǒu yǒu lái rén qǐng nǐ qù kàn yí kàn

门口有来人，请你去看一看。

There is someone at the door, so please go and take a look.

Tīng jiàn lái rén qiāo mén tā lì kè zhàn qǐ lái

听见来人敲门，他立刻站起来。

Hearing the visitor knock, he immediately stood up.

Trace each character, then write the word on your own.

来	来	来	来	来	来	来	来	来	来
人	人	人	人	人					